

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hoàng Điềm;

Ông Lê Chí Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Kiều T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2018 nguyên đơn bà Lý Kiều T trình bày yêu cầu:**

- Về hôn nhân: Bà T và ông C có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 1998, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến nay bà T và ông C không có lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do ly hôn: Sau khi cưới nhau được 03 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C đánh đập bà T nhiều lần. Vợ chồng ly thân từ năm 1998 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn được hôn

nhân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không đạt được hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn C.

Về nuôi con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Đặng Văn C:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông C không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà T yêu cầu ly hôn; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà T vẫn bảo lưu quan điểm nêu trên, cương quyết yêu cầu ly hôn với ông C vì vợ chồng sống ly thân đã lâu. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không liên lạc với nhau, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Ông C vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Lý Kiều T yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn C là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; ông C cư trú tại ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Đặng Văn C đã được Tòa án thông báo hợp lệ 02 lần tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đặng Văn C.

[2]. Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Bà Lý Kiều T có thời gian tìm hiểu và chung sống như vợ chồng với ông Đặng Văn C vào năm 1998, được gia đình tổ chức lễ cưới gả theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Từ khi cưới nhau bà T và ông C chung sống được 03 tháng thì ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án ông C không đến Tòa án để trình bày ý kiến, chứng tỏ hôn nhân giữa bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Việc bà T chung sống với ông C không đăng ký kết hôn đã vi

phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Kiều T và ông Đặng Văn C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà T được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Kiều T và ông Đặng Văn C.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch bà Lý Kiều T phải chịu 300.000 đồng. Bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015888 ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn

kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền